

GIẢNG CO TRONG BIÊN HỢP

CHIẾN LƯỢC HÀNH ĐỘNG

MUA

Đối với VNĐ có tỷ trọng tiền mặt cao có thể xem xét giải ngân từng phần tại các ngưỡng hỗ trợ mạnh, ưu tiên các mã cổ phiếu đầu ngành, dự báo có KQKD triển vọng tích cực trong 6 tháng cuối năm.

BÁN

Đưa tỷ trọng danh mục về mức cân bằng, ưu tiên hạ tỷ trọng Margin trong các nhịp phục hồi.

ĐIỂM NHẤN ĐẦU TƯ

MWG

NĂM GIỮ

↑ 9,15%

VND 69.200

NHẬN ĐỊNH XU HƯỚNG VN-INDEX TRONG NGÀY

- **Diễn biến TTCK thế giới:** Phố Wall tăng nhẹ trong phiên giao dịch ngày thứ Năm, khi VNĐ hồi hộp đợi báo cáo lạm phát quan trọng có thể định hình lại kỳ vọng về chính sách tiền tệ của Fed.
- **Xu hướng VN-Index ngắn hạn:** Thị trường trong nước tiếp tục diễn biến giằng co trong biên độ hẹp. Chỉ số VN-Index phần lớn thời gian giao dịch trong sắc đỏ, nhưng biến động không lớn và đóng cửa giảm nhẹ so với phiên trước. Thanh khoản co hẹp khi cung - cầu không gặp nhau là nguyên nhân chính khiến thị trường trầm lắng trong những phiên cuối quý. Về kỹ thuật, VN-Index tạm thời dao động hẹp trên ngưỡng MA50 ngày (1.255 điểm). Các chỉ báo kỹ thuật duy trì trung tính yếu. Vì vậy, với tín hiệu hồi phục chưa rõ ràng.

Thị trường thế giới

Chỉ số	Điểm số	%Chg	YTD
Dow Jones	39.164,06	0,09	3,91
S&P 500	5.482,87	0,09	14,95
Nasdaq	17.858,68	0,30	18,97
VIX	12,24	-2,47	-1,69
DAX	18.210,55	0,30	8,71
FTSE 100	8.179,68	-0,55	5,77
CAC40	7.530,72	-1,03	-0,17
Hang Seng	17.716,47	-2,06	3,92

Nguồn: Bloomberg

ĐỒ THỊ KỸ THUẬT VN-INDEX



Chỉ báo kỹ thuật

	Ngày	Tuần	Tháng
Xu hướng VN-Index	SELL	BUY	BUY
Chỉ báo kỹ thuật	Giá trị	Hành động	
RSI (14)	43,64	SELL	
MACD (12,26)	-0,66	SELL	
ADX (14)	16,75	SELL	
SMA5	1.262,61	SELL	
SMA20	1.278,34	SELL	
SMA50	1.255,18	BUY	
SMA100	1.249,31	BUY	
SMA200	1.191,04	BUY	

ĐIỂM TIN CHÍNH

- Theo số liệu mới nhất của Tổng cục Hải quan, trị giá xuất nhập khẩu hàng hóa của Việt Nam trong kỳ 1 tháng 6/2024 (từ ngày 01/6 đến ngày 15/6/2024) đạt 31,13 tỷ USD, giảm 4,9% (tương ứng giảm 1,61 tỷ USD) so với kết quả thực hiện trong nửa cuối tháng 5/2024. Kết quả đạt được trong nửa đầu tháng 6/2024 đã đưa tổng trị giá xuất nhập khẩu của cả nước đến hết ngày 15/6/2024 đạt 336,48 tỷ USD, tăng 16,2%, tương ứng tăng 46,81 tỷ USD về số tuyệt đối so với cùng kỳ năm 2023. Trong đó, tổng trị giá xuất nhập khẩu của doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) đạt 227,06 tỷ USD, tăng 13,7% (tương ứng tăng 27,42 tỷ USD).
- Theo quyết định từ liên Bộ Tài chính – Công Thương, giá xăng E5 RON92 tăng 506 đồng/lit lên 22.014 đồng/lit, xăng RON 95 tăng 544 đồng/lit lên 23.010 đồng/lit. Tương tự, trong kỳ điều chỉnh, giá các loại dầu cũng tăng. Dầu hỏa tăng 258 đồng/lit lên 20.614 đồng/lit, dầu diesel tăng 329 đồng/lit lên 20.689 đồng/lit. Dầu mazut tăng 223 đồng/kg lên 17.446 đồng/kg.
- Khảo sát trên thị trường tự do chiều hôm nay (27/6) cho thấy, giá USD tại các điểm thu đổi ngoại tệ tại Hà Nội đã đồng loạt vượt mốc 26.000 VND/USD ở chiều bán ra – mức cao nhất lịch sử từng được ghi nhận. Giá thu mua USD trên thị trường tự do cũng đã tăng lên vùng 25.900 – 25.950 VND/USD.
- **NTL:** CTCP Phát triển Đô thị Từ Liêm thông báo chốt quyền phát hành cổ phiếu thưởng cho cổ đông. Ngày giao dịch không hưởng quyền là 04/07/2024. Với tỷ lệ thực hiện 1:1, tức 100% và gần 61 triệu cp đang lưu hành, NTL sẽ phát hành thêm gần 61 triệu cp thưởng cho cổ đông.
- **MSB:** NHNN vừa thông báo chấp thuận cho Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam tăng vốn điều lệ thêm 6.000 tỷ đồng thông qua phát hành cổ phiếu trả cổ tức tỷ lệ 30%. Sau khi tăng vốn, tổng số lượng cổ phiếu lưu hành dự kiến sẽ là 2,6 tỷ cổ phiếu, tương ứng với vốn điều lệ mới đạt 26.000 tỷ đồng.
- **VNM:** Sau 4 lần liên tiếp thất bại với cùng lý do là điều kiện thị trường không phù hợp, F&N Dairy Investments PTE.LTD, cổ đông lớn CTCP Sữa Việt Nam tiếp tục đăng ký mua vào lượng lớn cổ phiếu VNM. Cụ thể, F&N Dairy Investments PTE.LTD vẫn đăng ký mua xấp xỉ 20,9 triệu cổ phiếu VNM theo phương thức thỏa thuận và khớp lệnh qua sàn, dự kiến từ ngày 1/7 đến 30/7.
- **BCM:** Becamex IDC đặt mục tiêu 2024 thận trọng với tổng doanh thu 9.000 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế 2.350 tỷ đồng, lần lượt tăng nhẹ 2% và 3% so với kết quả năm 2023. Doanh nghiệp cũng dự kiến chia cổ tức năm 2024 với tỷ lệ 10%.

Nguồn: VPBankS Research

Thị trường hàng hóa

Chỉ số	Giá (USD)	%Chg	YTD
Vàng	2.320,94	-0,29	12,50
Dầu WTI	82,05	0,38	14,52
Dầu Brent	86,61	0,25	12,42
Than	132,75	0,57	-9,32
Đồng	9.515,50	-0,26	11,18
Quặng sắt	107,00	-0,23	-22,42
Thép	519,50	0,00	-8,00

Thị trường ngoại tệ

Chỉ số	Giá	%Chg	YTD
DXY	106,071	0,16	4,68
USD/JPY	161,19	-0,27	-12,50
USD/CNY	7,268	0,01	-2,31
EUR/USD	1,0688	-0,15	-3,18
GBP/USD	1,2623	-0,13	-0,85

Lãi suất một số NHTW

NHTW	Lãi suất	Cuộc họp tiếp theo	Thay đổi gần nhất
FED	5,50%	31/07/2024	0
ECB	4,50%	18/07/2024	0
BOE	5,25%	20/06/2024	0
BOJ	0,10%	14/06/2024	0
SBV	6,50%	-	-50bp

Top 5 CP có GTGD lớn nhất

Mã CP	GTGD	Giá	%Chg
FPT	847,77	132.800	0,76
VPB	473,95	19.000	0,00
DGC	208,86	123.800	-0,96
HPG	290,78	28.850	-0,17
HSG	276,23	24.850	-0,80

Top 5 CP vốn hóa lớn nhất

Mã CP	Vốn hóa	Giá	%Chg
VCB	476.190,58	85.200	0,00
BID	251.389,22	44.100	-0,90
FPT	193.947,50	132.800	0,76
HPG	184.531,82	28.850	-0,17
GAS	175.700,60	76.500	0,00

Nguồn: Investing, Bloomberg, VPBankS Research

MWVG

Khuyến nghị

Giá hiện tại

Giá mục tiêu

Tiềm năng tăng giá

Vùng mua tiềm năng

Ngưỡng cắt lỗ

NĂM GIỮ

63.400

69.200

9,15%

60.000-62.000

<58.000

THÔNG TIN CẬP NHẬT DOANH NGHIỆP

- Thế giới Di động sẽ chốt danh sách cổ đông để nhận cổ tức vào ngày 1/7 và dự kiến cổ tức sẽ được thanh toán vào ngày 10/7 tới đây. Với 1,46 tỷ cổ phiếu đang lưu hành, ước tính hãng bán lẻ này sẽ cần chi khoảng 731 tỷ đồng để thanh toán cổ tức đợt này.
- Về hoạt động kinh doanh, trong 4 tháng đầu năm 2024, Thế giới Di động ghi nhận doanh thu đạt hơn 43.000 tỷ đồng, tăng 16,8% so với cùng kỳ năm trước. Qua đó, hoàn thành 34% kế hoạch cả năm.

PHÂN TÍCH KỸ THUẬT CỔ PHIẾU

- MWG là cổ phiếu Bluechip giữ được xu hướng mạnh so với mặt bằng chung ở rổ VN30 và thị trường. Cơ hội vượt đỉnh vẫn đang mở rộng khi dòng tiền lớn vẫn chưa rút ra. Nhà đầu tư trung và dài hạn có thể tham gia mua cổ phiếu trong các nhịp rung lắc với vùng hỗ trợ gần 60.000-62.000 đồng.

Thông tin tài chính

	FY2022	FY2023	Q1 2024
DTT (tỷ đ)	133.405	118.280	31.486
LNTT (tỷ đ)	6.056	690	1.206
LNST (tỷ đ)	4.102	168	903
Nợ/VCSH (%)	69	108	91
ROE (%)	18,52	0,71	4,26
ROA (%)	6,90	0,29	1,79
EPS (VNĐ)	2.810	115	715,72
P/E (lần)	15,3	372,2	88,58
P/B (lần)	2,62	2,68	3,67

Nguồn: VPBankS Research

ĐỒ THỊ KỸ THUẬT CỔ PHIẾU



Chỉ báo kỹ thuật

	Ngày	Tuần	Tháng
Xu hướng	BUY	BUY	BUY
Chỉ báo kỹ thuật	Giá trị	Hành động	
RSI (14)	58,60	BUY	
MACD (12,26)	0,86	BUY	
ADX (14)	24,72	BUY	
SMA5	62.700	BUY	
SMA20	62.880	BUY	
SMA50	59.350	BUY	
SMA100	53.660	BUY	
SMA200	49.080	BUY	

DANH MỤC KHUYẾN NGHỊ

STT	Mã cổ phiếu	Vị thế	Vùng mua	Ngày mua	Giá mua	Giá mục tiêu	Giá cắt lỗ	Ngày bán	Giá bán	+/-
Danh mục theo dõi										
Danh mục cổ phiếu chạm điểm mua										
1	VSC	Nắm giữ	21-21,7	6/6/2024	21,7	24,3	20,7			-0,69%
2	PHR	Nắm giữ	60-61,5	6/6/2024	61	68,1	58			-0,49%
3	MSN	Nắm giữ	74,2-76,2	17/6/2024	76,2	86,3	72,5			-2,23%
4	MWG	Nắm giữ	60-62,5	20/6/2024	62,5	69,2	58			1,44%
5	TPB	Nắm giữ	17,6-18	20/6/2024	18	20,1	17,2			-3,06%
6	MBB	Nắm giữ	22,5-22,8	24/6/2024	22,8	25,6	21,7			-1,32%
7	HSG	Nắm giữ	23,8-24,5	26/6/2024	24,5	27,5	23,5			1,43%

Lưu ý: Các mã khuyến nghị đầu tư dựa trên yếu tố dòng tiền đầu cơ và có xu hướng tích lũy/tăng trong ngắn hạn theo phương pháp phân tích kỹ thuật.

DANH MỤC CỔ PHIẾU ĐÃ THỰC HIỆN

STT	Mã cổ phiếu	Vị thế	Vùng mua	Ngày mua	Giá mua	Giá mục tiêu	Giá cắt lỗ	Ngày bán	Giá bán	+/-
1	MWG	Chốt lời	39,6-40,8	5/6/2023	40,8	54,8	37,8	31/7/2023	54	32,35%
2	NLG	Chốt lời	31,3-32,45	9/6/2023	32	38,3	30,2	18/7/2023	38,3	19,69%
3	MWG	Hạ tỷ trọng	39,6-40,8	5/6/2023	40,8	47,8	37,8	11/7/2023	48,8	19,61%
4	DGW	Chốt lời	54,5-56	16/2/2024	56	63,2	53,9	13/3/2024	64,3	16,07%
5	HCM	Chốt lời	21,1-22	20/12/2023	21,9	24,3	20,4	2/1/2024	25,4	15,98%
6	SSI	Chốt lời	27,8-28,8	26/10/2023	27,2	32,8	26,9	10/11/2023	31,5	15,81%
7	DBC	Chốt lời	20,3-20,6	20/6/2023	20,6	23,6	19,2	6/7/2023	23,85	15,78%
8	DGW	Chốt lời	32,4-33	16/5/2023	33	37,2	30,7	6/6/2023	37,8	14,55%
9	VPB	Chốt lời	18,6-19,2	26/4/2023	19,2	22,6	17,9	1/8/2023	21,95	14,32%
10	ANV	Chốt lời	34,8-36,3	11/9/2023	36,3	41,2	33,8	22/9/2023	41,2	13,50%
11	DGW	Chốt lời	49-51,5	21/11/2023	50	57,8	48	8/1/2023	56,7	13,40%
12	HCM	Chốt lời	25,9-26,3	12/6/2023	26,3	29,5	24,5	5/7/2023	29,8	13,31%
13	SSI	Chốt lời	28,0-28,6	1/8/2023	28,6	33,5	27,4	25/8/2023	32,3	12,94%
14	PVS	Chốt lời	30,4-31,2	22/8/2023	31,2	35,2	29,3	30/8/2023	35,2	12,82%
15	HPG	Chốt lời	24,8-25,8	22/8/2023	25,8	29,1	24	7/9/2023	29,1	12,79%
16	NKG	Chốt lời	17,3-17,7	5/7/2023	17,5	20,4	16,3	21/7/2023	19,7	12,57%
17	KSB	Chốt lời	26,6-27,1	8/6/2023	27,1	30,5	25,2	27/6/2023	30,5	12,55%
18	NKG	Chốt lời	20,3-20,8	24/11/2023	20,8	23,9	19,6	30/11/2023	23,35	12,26%
19	HAH	Chốt lời	34-35,5	23/11/2023	35	40,7	32,9	26/12/2023	39,2	12,00%
20	GVR	Chốt lời	18,9-19,3	28/6/2023	19,3	22,3	18	11/7/2023	21,6	11,92%
21	VCG	Chốt lời	25,5-26,2	18/8/2023	26,2	29,3	24,5	5/9/2023	29,3	11,83%

DANH MỤC CỔ PHIẾU ĐÃ THỰC HIỆN GẦN ĐÂY

STT	Mã cổ phiếu	Vị thế	Vùng mua	Ngày mua	Giá mua	Giá mục tiêu	Giá cắt lỗ	Ngày bán	Giá bán	+/-
1	DGW	Chốt lời	54,5-56	16/2/2024	56	63,2	53,9	13/3/2024	64,3	16,07%
2	VCI	Chốt lời	46-48	6/3/2024	47,5	55,2	44,5	15/3/2024	53	11,58%
3	VND	Cơ cấu	22,8-23,8	4/3/2024	23	27,3	21,8	26/3/2024	23,05	0,22%
4	NKG	Chốt lời	23-23,8	15/3/2024	23,75	27,6	22,4	28/3/2024	26,1	9,89%
5	VGC	Chốt lời	54-55,5	13/3/2024	55,5	61,8	51,8	2/4/2024	58,7	6,31%
6	KSB	Cơ cấu	25,5-26,5	15/3/2024	26,2	29,5	24,6	2/4/2024	26,2	0,00%
7	DPM	Cơ cấu	34,5-36	27/3/2024	35,85	39,8	33,8	2/4/2024	35,55	-0,84%
8	STB	Cắt lỗ	30-31,5	29/2/2024	31,3	35,6	29,1	5/4/2024	29,5	-5,75%
9	CII	Cắt lỗ	18,8-19,5	28/3/2024	19,3	21,8	18,5	5/4/2024	18,55	-3,89%
10	HSG	Cắt lỗ	22,8-24	3/4/2024	24	27,1	22,8	5/4/2024	22,8	-5,0%
11	MWG	Chốt lời	45-47,5	5/3/2024	47,5	54,3	44,2	3/5/2024	55,7	17,26%
12	PVD	Chốt lời	29-30	23/4/2024	30	33,8	28,8	22/5/2024	33,2	10,67%
13	VHC	Cơ cấu	73-74,5	3/5/2024	74	83,2	71	27/5/2024	73	-1,35%
14	CTD	Chốt lời	69,5-71,6	22/5/2024	71,6	79,6	68	28/5/2024	75,2	5,85%
15	NKG	Cơ cấu	23,9-24,3	24/5/2024	24,3	27,3	23,6	30/5/2024	24,75	1,85%

Email: Chienluocthitruong@vpbanks.com.vn

Theo dõi chúng tôi tại:



Mã môi giới
116C820618



Mở tài khoản VPBankS tại:

Miễn trừ trách nhiệm:

Các thông tin, số liệu thống kê và khuyến nghị trong bản báo cáo này, bao gồm cả các nhận định cá nhân, được dựa trên các nguồn thông tin công bố đại chúng theo quy định của pháp luật, hoặc các nguồn thông tin mà chúng tôi cho rằng đáng tin cậy tính đến thời điểm phát hành báo cáo. Phòng Chiến lược thị trường chỉ sử dụng mà không thực hiện xác minh lại các thông tin này, do đó Phòng Chiến lược thị trường không đảm bảo về tính chính xác và đầy đủ của các thông tin này.

Báo cáo được lập với mục đích dự báo, cảnh báo những rủi ro tiềm ẩn có thể xảy ra, được sử dụng như thông tin tham khảo trong nội bộ VPBankS và VPBank. Chúng tôi không chịu trách nhiệm với các lan truyền thông nằm ngoài phạm vi này.

Bản quyền báo cáo thuộc về VPBankS, mọi hành vi sao chép, sửa đổi từng phần hoặc toàn bộ báo cáo là vi phạm bản quyền.

1

2

3

TƯ VẤN ĐẦU TƯ

Khuyến nghị:

- ACE NĐT vẫn tiếp tục tận dụng những phiên tăng điểm chốt lời ngắn hạn và tái cấu trúc mua lại khi TT điều chỉnh giảm điểm.
- Vùng hỗ trợ chỉ số VNI : 1150-1165.

Khuyến nghị ngày 30/1/2024		
NHCP	NVL	Tỷ lệ
Mua	16-16.5	
Cắt lỗ	Đuối 14	~(-12%)
Chốt lời 1(50%)	18-19	~13%-18%
Chốt lời 2(50%)	21-22	~18-37%
MLCP	MSN	Tỷ lệ
Mua	65-66	
Cắt lỗ	(Cổ thế DCA về 61-62)	
Chốt lời 1(50%)	Đuối 59	~(-5%)
Chốt lời 2(50%)	72-75	~13%-14%
Chốt lời 3(50%)	Năm giờ	
MLCP	GEX	Tỷ lệ
Mua	21-21.5	
Cắt lỗ	19.8	~(-4%)
Chốt lời 1(50%)	23-24	~7%-12%
Chốt lời 2(50%)	25.5-26	~13%-14%

Ngoài những cp theo nhóm ngành đặc thù đã khuyến nghị, ACE tham khảo thêm CP khác theo khuyến nghị.

CHỐT LÃI HÀNG NGÀY

Mã chứng khoán	MWG
Tổng khối lượng CK	180,000
Giá vốn trung bình	43.34
Gốc đầu tư	99,800 đ
Giá trị thị trường	8,280,000,000 đ
Lãi/lỗ (dự kiến)	+479,500,200 đ (4.15%)

Một số mã cổ phiếu đáng chú ý:

- BNP: Lợi nhuận sau thuế đạt 257 tỷ đồng, tăng nhẹ so với cùng kỳ.
- ANV: Doanh thu đạt 4.439 tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế chỉ còn 42 tỷ đồng, giảm lần lượt 9% và 94% so với năm 2022.
- MCM: Doanh thu gần như đi ngang nhưng lợi nhuận sau thuế tăng 8% so với năm 2022.
- MSB: Lợi nhuận trước thuế năm 2023 đạt 5.830 tỷ đồng, tăng nhẹ so với năm 2022.

🎉 Chúc mừng ACE đã mua HPG dưới 27.2 như khuyến nghị ngày 10/1, PVD giá 27.x theo khuyến nghị 22/1.

THAM GIA NHÓM ZALO



Quét mã hoặc truy cập
ginlabs.vn/room